



WHO - GMP

MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP TRÊN  
**VỊT** & CÁCH CHẨN ĐOÁN  
PHÂN BIỆT



**QUY TRÌNH SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN WHO-GMP**  
**HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN**

# MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP TRÊN VỊT VÀ CÁCH CHẨN ĐOÁN PHÂN BIỆT

TS. Nguyễn Như Pho

## 1. BỆNH DỊCH TẢ VỊT

### 1.1 Đặc điểm

Bệnh xảy ra ở mọi lứa tuổi, tốc độ lây lan nhanh, tử số rất cao ở vịt trưởng thành do tổn thương toàn bộ các cơ quan nội tạng.

### 1.2 Mầm bệnh

Do *Herpes virus*, với các đặc điểm sau:

- Nhạy cảm với ether, chloroform.
- Bị bất hoạt bởi các enzym đường ruột như Trypsin, Chymotrypsin, Lipase ở nhiệt độ 37°C trong 18 giờ.
- Nhạy cảm với nhiệt độ: virus bị diệt ở 60°C trong 10 phút, 50°C trong 90 – 120 phút, ở 22°C virus tồn tại trên 30 ngày.
- Virus bị bất hoạt ở độ pH nhỏ hơn 3 và lớn hơn 11 và hoạt động bình thường ở pH = 7,8 hoặc 9.

### 1.3 Thú mắc bệnh: Vịt nhà, ngan, ngỗng, vịt trời.

### 1.4 Đường truyền lây

Virus gây bệnh qua sự lây nhiễm trực tiếp do sự tiếp xúc với vịt mắc bệnh hoặc lây gián tiếp qua trung gian của môi trường sống như nguồn nước nhiễm bệnh, đường truyền lây chính là đường tiêu hóa. Từ miệng, virus xâm nhập vào xoang mũi, rồi vào máu. Từ máu, virus di chuyển đến các cơ quan trong xoang bụng, lỗ huyết và hệ thống cơ. Thời kỳ ủ bệnh thường kéo dài từ 3 – 7 ngày, vịt có thể chết sau 1 – 5 ngày phát bệnh.

### 1.5 Lứa tuổi mắc bệnh

Mọi lứa tuổi, trên vịt con bệnh thường xảy ra lúc vịt trên 2 tuần tuổi, tuy nhiên mức độ bệnh và tử số lại thấp hơn trên vịt trưởng thành.

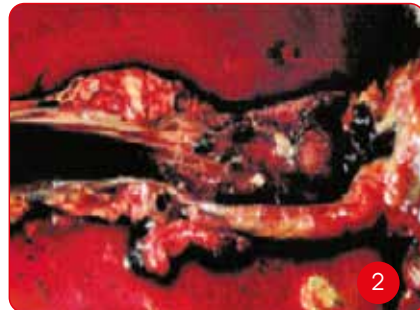
### 1.6 Triệu chứng

- Trên vịt nuôi thịt (từ 2 – 10 tuần tuổi) thường thấy xuất hiện các triệu chứng sau đây:

- + Vịt bỏ ăn, ít linh hoạt.
- + Sốt cao.
- + Mí mắt sưng, niêm mạc mắt xuất huyết, mắt chảy nhiều dịch viêm, làm 2 mí mắt dính chặt lại hoặc có dấu hiệu nửa nhắm nửa mở (Hình 1).
- + Vịt khó thở, thở khò khè, mũi chảy nhiều chất nhầy, vùng đầu bị sưng to.
- + Tiêu chảy phân loãng màu trắng xanh, gây mất nước nặng. Vịt liệt, cánh sệ xuống sau khi mắc bệnh 5 – 6 ngày.
- Trên vịt đẻ: Ngoài các triệu chứng trên còn có các dấu hiệu:
  - + Thường tỷ lệ đẻ giảm thấp trước khi phát bệnh, chết nhanh sau khi phát bệnh, không kéo dài nhiều ngày như trên vịt con.
  - + Vịt chết đột ngột trong tư thế còn rất tốt, vịt trống lúc chết dương vật thường lòi ra ngoài. (Hình 4)

### 1.7 Bệnh tích

- Da vùng cổ, bụng, đùi xuất huyết điểm.
- Phù thũng ở mô liên kết dưới da.
- Xuất huyết ở nhiều nơi trên đường tiêu hóa như: niêm mạc họng, thực quản, ruột non, trực tràng, hậu môn, dạ dày tuyến (Hình 2,3,4).
- Khí quản xuất huyết và chứa nhiều chất nhầy, phổi bị viêm và xuất huyết. Viêm màng bao tim, cơ tim xuất huyết điểm hoặc xuất huyết từng mảng lớn.
- Túi Fabricius có màu đỏ trong giai đoạn đầu của bệnh, mổ bên trong thấy có những hạt màu vàng nhỏ bằng đầu đinh ghim.
- Ruột xuất huyết thành các vòng màu đỏ, có thể nhìn thấy từ bên ngoài ruột, về sau vùng này bị hoại tử tạo thành các nốt loét gờ tròn.
- Giai đoạn đầu bề mặt gan xuất huyết điểm, màu sắc gan xanh tái, sau đó vùng gần túi mật chuyển sang màu vàng đậm, một số nơi trên bề mặt bị hoại tử, túi mật sưng to (Hình 9).
- Ở vịt đẻ, buồng trứng bị xuất huyết, trứng lớn thường vỡ, các trứng nhỏ méo mó, vòi Fallop bị xuất huyết nặng.
- Cần lưu ý: trên vịt con, thường tập trung xuất huyết nặng ở các hạch bạch huyết, còn trên vịt đẻ, các bệnh tích tập trung ở tuyến ức, túi Fabricius, xuất huyết ở các cơ quan tiêu hóa, vòi Fallop là các bệnh tích đặc trưng.





## 1.8 Chẩn đoán

Chủ yếu dựa vào các triệu chứng và bệnh tích mổ khám để xác định chính xác, cần tiến hành các xét nghiệm sau:

- Phân lập virus.
- Thực hiện phản ứng trung hòa hoặc phản ứng ELISA.

## 1.9 Phòng ngừa và điều trị

Do mầm bệnh là virus, hiện nay không có thuốc chuyên trị. Trong trường hợp đàn vịt đang phát triển bệnh, cần thực hiện các biện pháp sau đây để hạn chế thiệt hại:

- Giết bỏ ngay các vịt đã phát bệnh, xử lý xác chết bằng cách chôn sâu và rắc vôi sống.
- Chuyển đàn vịt sang khu vực khác, tiến hành sát trùng, tẩy uế các vật dụng chăn nuôi và chuồng trại.
- Tiêm phòng vaccin cho cả đàn (DVE vaccin) các vịt ủ bệnh sẽ phát bệnh, song các con chưa nhiễm bệnh sẽ tạo được miễn dịch chủ động.
- Cấp kháng sinh qua các nước uống để ngăn ngừa phụ nhiễm vi trùng: dùng 1 trong các sản phẩm sau của Anova:

**NOVA-ENRO 10%,  
NOVA-AMPICOL,  
NOVA-BACTRIM 48%,  
NOVA-LINCODOX,  
NOVA-DOXINE.**

- Cho uống điện giải và các loại vitamin để tăng sức đề kháng cho đàn vịt. dùng 1 trong các sản phẩm sau: **ELEC-C, NOVA-DEX-TROLYTES, NOVA-C PLUS, NOVA-AMIVIT, NOVA-HEPAVIT.**

- Tiến hành sát trùng chuồng trại 03 ngày 1 lần cho đến khi hết dịch bệnh bằng 1 trong các sản phẩm sau: **NOVACIDE, NOVASEPT, NOVADINE 10%.**

Cách phòng bệnh hiệu quả nhất là tiêm phòng vaccin dịch tả cho vịt nuôi thịt và vịt đẻ theo lịch sau:

- **Nuôi vịt thịt:** Lần 1 lúc 3 ngày tuổi, lần 2 lúc 21 ngày tuổi.
- **Vịt đẻ:** Lần 3 lúc 9 tuần tuổi, lần 4 lúc 5 tháng. Hằng năm chích lặp lại 1 lần trước mỗi vụ đẻ.



## 2. BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG

### 2.1 Đặc điểm bệnh

Bệnh xảy ra ở mọi lứa tuổi, lúc gia cầm bị stress hoặc lúc giao mùa, diễn biến bệnh rất nhanh trong đàn và gây tử số cao. Vịt chết rất đột ngột, xác chết tụ huyết tím bầm.

Mầm bệnh: Do vi trùng *Pasteurella multocida* gây ra, với nhiều type huyết thanh khác nhau, vi trùng dễ bị tiêu diệt bởi các loại thuốc sát trùng thông thường hoặc nhiệt độ cao, tuy nhiên chúng có thể tồn tại nhiều tháng trong xác chết, đất ẩm, từ đó xâm nhập và cố định sẵn trong đường hô hấp của vịt, lúc đàn vịt bị stress, một số con giảm sức kháng bệnh, vi trùng *Pasteurella* có điều kiện phát triển mạnh rồi gây bệnh.

### 2.2 Diễn biến bệnh

- Trong quá trình gây bệnh, vi trùng phát triển rất mạnh ở đường hô hấp, gây các tổn thương ở mũi, khí quản và phổi, sau đó vi trùng nhanh chóng xâm nhập vào máu gây nhiễm trùng huyết làm vịt sốt cao, độc tố tiết ra nhanh chóng phá hủy nhiều mao mạch gây xuất huyết, rối loạn tuần hoàn gây hiện tượng tích dịch ở xoang bụng. Độc tố sau đó tập trung về gan làm viêm gan, hoại tử một số vùng hoặc xuất huyết nặng ở gan gây tử số cao cho vịt. (Hình 7)

- Sau 4 – 5 ngày mắc bệnh, các con sống sót thấy có thêm các dấu hiệu viêm khớp làm vịt không đi được, viêm não làm xuất hiện các triệu chứng thần kinh.

### 2.3 Triệu chứng và bệnh tích

#### - Thể cấp tính:

- + Sốt cao, chảy nước mũi làm vịt khó thở.
- + Vịt chết rất đột ngột, xác chết tụ máu tím bầm.
- + Bao tim viêm, tích dịch, cơ tim và mỡ vành tim xuất huyết. (Hình 5, hình 6)
- + Xoang bụng chứa nhiều dịch màu vàng, mỡ vùng bụng và màng treo ruột xuất huyết.
- + Ruột bị viêm, tụ máu có xuất huyết ở mê và ruột già.
- + Gan bị viêm sưng to, xuất huyết thành từng đám lớn. (Hình 8)
- + Phổi: viêm, xuất huyết nặng. (Hình 8)
- + Trên vịt đẻ: một số trứng vỡ, trứng non méo mó, mạch máu quanh trứng cương to.



### - Thể mãn tính:

Thường xảy ra trên những vịt sống sót trong thể cấp tính, với các đặc điểm sau:

- + Chảy nước mũi, khó thở.
- + Vịt gầy ốm dần.
- + Sưng khớp làm vịt bị liệt, trong khớp có chứa dịch viêm.
- + Viêm màng não làm vịt bị nghẹo cổ.
- + Phổi viêm với đặc điểm xuất huyết nặng.
- + Não chứa dịch viêm dạng bã đậu.
- + Buồng trứng thoái hóa.

### 2.4 Phòng bệnh

- Nhằm hạn chế bệnh tụ huyết trùng, cần thực hiện tốt việc chăm sóc đàn vịt, kết hợp với việc sử dụng kháng sinh hoặc dùng vaccin để tiêu diệt mầm bệnh.

- Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi sau mỗi đợt nuôi bằng 1 trong các loại thuốc sát trùng thích hợp như **NOVADINE 10%**, **NOVASEPT** hoặc **NOVACIDE**.

- Có chế độ dinh dưỡng, chăm sóc hợp lý, hạn chế sử dụng tất cả các yếu tố có thể gây stress cho vịt. Trường hợp thấy có dấu hiệu kém ăn, lập tức hòa chất điện giải và vitamin (**ELEC-C** hoặc **NOVA-DEXTROLITES**) vào nước cho uống càng sớm càng tốt.

- Sử dụng kháng sinh: Có nhiều kháng sinh nhạy cảm với vi trùng tụ huyết trùng như Norfloxacin, Sulfa+Trimethoprim, Enrofloxacin, Ampicilline, Tetracycline... Trộn trong thức ăn hoặc hòa tan vào nước uống, cứ mỗi 2 – 3 tuần dùng một đợt thuốc trong 3 ngày. Chọn 1 trong các sản phẩm sau:

- + **NOVA-ENRO 10%**: 1ml/ 2 lít nước.
- + **NOVA-AMPICOL**: 1g/ lít nước hoặc 2g/ kg thức ăn.
- + **NOVA-BACTRIM 48%**: 1g/ 2 lít nước hoặc 1g/ kg thức ăn.
- + **NOVA-FLORDOX**: 1g/ 2 lít nước hoặc 1g/ kg thức ăn.
- + Sử dụng vaccin phòng bệnh.

Có nhiều loại vaccin tụ huyết trùng hiện nay trên thị trường, ví dụ: Vaccin của công ty thú y trung ương II, vaccin của viện thú y Hà Nội, Vaccin nhũ dầu của Mỹ và vaccin Neotyphomix của Pháp.

- Lịch tiêm phòng như sau:

- + **Ở vịt nuôi thịt**: Chủng lần đầu lúc vịt được 2 tuần, lặp lại lần 2 lúc vịt 6 tuần tuổi.
- + **Ở vịt đẻ**: Tiêm lần 3 lúc 4 tháng tuổi, hàng năm tiêm phòng nhắc lại 2 lần vào lúc sắp chuyển mùa.

### 2.5 Điều trị

- Bệnh có thể điều trị có kết quả với kháng sinh.

- Do bệnh thường xảy ra với tốc độ nhanh, vì vậy cần cấp qua đường chích kết hợp với đường uống.

- Đường chích: Chọn một trong các loại kháng sinh sau:

- + **NOVA-D.O.T**: 1mL/ 5 kg thể trọng.
- + **NOVA-TYLOSPEC**: 1mL/ 5 – 7 kg thể trọng.
- + **NOVA-AMDECOL**: 1mL/ 5 kg thể trọng.
- + **NOVA-GENTYLO**: 1mL/ 5 – 10 kg thể trọng.
- + **NOVA-CEFTIO**: 1mL/ 2 kg thể trọng.

Tiêm bắp thịt liên tục trong 3 – 4 ngày.

- Đường uống: Chọn một trong các sản phẩm sau:

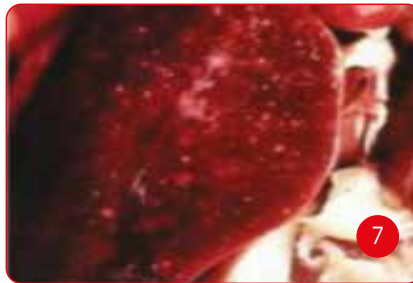
- + **NOVA-ENRO 500**: 1ml/ 5 lít nước hoặc 1ml/ 50kg thể trọng.
- + **NOVA-TRIMEDOX**: 1g/ lít hoặc 2g/ kg thức ăn.
- + **NOVA-BACTRIM 48%**: 1g/ lít hoặc 2g/ kg thức ăn.

### Lưu ý:

- Trong thời gian điều trị, phải cung cấp đầy đủ chất điện giải và các loại vitamin cho cả đàn. Dùng 1 trong các sản phẩm **ELEC-C**, **NOVA-VITA PLUS**, **NOVA-HEPAVIT**, **NOVA-C PLUS**, **NOVA-AMIVIT**...

- Xử lý xác chết bằng cách chôn thật sâu, có rải vôi sống hoặc formol.

- Sát trùng dụng cụ chăn nuôi **NOVACIDE**, **NOVASEPT**, **NOVADINE 10%**. Nên chuyển chuồng sang chỗ mới nếu có điều kiện.





### 3. BỆNH DO *E. COLI* Ở VỊT

#### 3.1. Đặc điểm bệnh

- *E. Coli* được coi là vi trùng cơ hội, thường gây bệnh khi gia cầm bị stress hoặc là tác nhân chính gây phụ nhiễm (Secondary infection) trong các bệnh do *Mycoplasma* hay virus.
- Bệnh khá phổ biến, gây thiệt hại rất nặng cho gia cầm, đặc biệt gia cầm con.
- Vi khuẩn đã đề kháng với nhiều loại kháng sinh thông dụng, do đó gây khó khăn trong việc phòng ngừa và điều trị bệnh.
- Do có quá nhiều chủng kháng nguyên, nên các loại vaccin (do không thể chứa đầy đủ các chủng kháng nguyên) thường không đạt hiệu quả mong muốn.

#### 3.2 Đường xâm nhập và diễn biến bệnh

- Xâm nhập qua trứng: Do trứng dính phân, *E. Coli* xuyên qua vỏ trứng nhiễm vào phôi, trong quá trình ấp nở, một số phôi bị chết (thường rất thấp) các phôi còn lại phát triển yếu, làm gia cầm mới nở phát triển rất yếu ớt, tiêu chảy ngay và chết sớm.
- Xâm nhập vào cơ thể gia cầm con từ chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi không được xác trùng đúng mức hoặc từ nguồn nước, nguồn thức ăn kém vệ sinh.

#### 3.3 Triệu chứng và bệnh tích

- Thể nhiễm trùng hô hấp – nhiễm trùng máu: *E. Coli* xâm nhập qua đường miệng, qua khe khẩu cái, vào hệ thống hô hấp, định vị trực tiếp tại túi khí, làm túi khí trở nên dày và đục. Khả năng gây bệnh rất nặng nếu đường hô hấp trước đó đã nhiễm các bệnh khác hoặc tiêu khí hậu chuồng trại quá xấu, thiếu thông thoáng hàm lượng  $NH_3$  quá cao ( $> 100ppm$ ).
- Sau vài ngày vi trùng *E. Coli* xâm nhập vào máu, gây nhiễm trùng máu, từ máu *E. Coli* đi đến nhiều nơi gây tổn thương nhiều cơ quan.
- + Viêm màng bao tim, bề mặt quả tim phủ nhiều fibrin, viêm cơ tim, gây xuất huyết ở cơ tim.
- + Viêm màng bao quanh gan, bề mặt gan phủ fibrin.
- + Viêm hóa mủ ở mắt, mắt sưng to, có nhiều fibrin hoặc có mủ làm gia cầm không thấy đường.
- + Viêm khớp.
- + Thận, gan, lách sưng to, một số vùng bị hoại tử.
- Thể viêm ruột do *E. Coli* (ít khi xuất hiện ở gia cầm) với các đặc điểm: tiêu chảy với nhiều nước, xuất huyết nhẹ ở đoạn trên ruột non.
- Thể viêm rốn: Xảy ra ở gia cầm mới nở.

Nguyên nhân do vệ sinh, sát trùng máy ấp không tốt, kỹ thuật kém, *E. Coli* nhiễm vào cuống rốn do hở rốn.

#### - Triệu chứng

- + Bụng sưng phồng to.
- + Túi lòng đỏ lớn và mất màu. Nếu vịt sống hơn 4 – 5 ngày, *E. Coli* có thời gian vào máu gây viêm màng ngoài tim, màng bao quanh gan, viêm túi khí (giống thể nhiễm trùng máu), tử số rất cao.

#### 3.4 Phòng bệnh:

- Vệ sinh trứng thật tốt, vệ sinh máy ấp, ấp trứng đúng kỹ thuật.
- Sát trùng dụng cụ chăn nuôi, chuồng trại bằng 1 trong các sản phẩm sau: **NOVASEPT, NOVADINE 10%** sử dụng nguồn nước vệ sinh, thức ăn tốt.
- Dùng kháng sinh nhạy cảm với *E. Coli* qua nước uống hoặc trộn trong thức ăn ngay giai đoạn vịt mới nở (theo chương trình sử dụng thuốc).

- Chích Vaccin *E. Coli* cho vịt (Neo Typhomix) chích cho vịt con 15 ngày tuổi, và lặp lại lần 2 lúc 1,5 tháng tuổi. Trên vịt hậu bị, tiêm lần 3 lúc vịt được 4 tháng tuổi, sau đó mỗi năm lặp lại một lần. Như đã trình bày ở trên, do có quá nhiều kiểu kháng nguyên, nên vaccin phòng *E. Coli* cho vịt chỉ có hiệu quả giới hạn. Cách tốt nhất là dùng kháng sinh định kỳ theo lịch khuyến cáo của **công ty LIÊN DOANH TNHH ANOVA.**

#### 3.5 Điều trị

Khi phát hiện ra bệnh cần tiến hành điều trị ngay bằng kháng sinh trong 4 – 5 ngày liên tục. Các loại kháng sinh cho uống sau đây được ưa chuộng do rất nhạy cảm với *E. Coli*:

+ **NOVA-AMPICOL**: 2g/ lít nước hoặc 4 – 5g/ kg thức ăn.

Trường hợp bệnh quá nặng, trên vịt lớn có thể vừa cho uống vừa tiến hành chích các loại kháng sinh trong 4 – 5 ngày. Dùng 1 trong các sản phẩm sau:

+ **NOVA-ENROCIN 10%**: 1ml/ 10kg thể trọng

+ **NOVA-AMDECOL**: 1ml/ 5kg thể trọng.

Sử dụng thêm 1 trong các loại vitamin và chất điện giải cho vịt của Công ty Anova như: **NOVA-C PLUS, ANA C.VIT, NOVA-AMIVIT, NOVA-HEPAVIT...**



## 4. BỆNH VIÊM XOANG MŨI TRUYỀN NHIỄM

**4.1 Tuổi mắc bệnh:** Bệnh xảy ra chủ yếu ở vịt con 10 – 20 ngày tuổi. Đặc điểm chung là chảy nước mũi, khó thở.

### 4.2 Nguyên nhân

- Do *Mycoplasma*:

+ Xuất hiện nhiều vào mùa mưa, chuồng trại ướt.

+ Mùa lạnh mật độ nuôi nhốt cao, thiếu vệ sinh.

+ Kết hợp với thiếu Vitamin A.

- Do vi trùng *Staphylococci*, *Streptococci* hoặc *E.Coli*:

+ Thiếu vệ sinh nguồn nước.

+ Vệ sinh chuồng trại kém.

- Đa số các trường hợp viêm xoang mũi thường có kết hợp cả *Mycoplasma* và vi trùng *Staphylococci*, *Streptococci*, *E.Coli*.

### 4.3 Triệu chứng

- Chảy nước mũi, lúc đầu trong về sau đục và xám (Ấn tay vào 2 bên xoang mũi sẽ thấy rõ).

- Khó thở: có tiếng khò khè, há miệng để thở.

- Viêm kết mạc làm 2 mí mắt dính lại, có con bị viêm giác mạc hóa mủ dẫn đến mù. Sau đó bệnh lan sang các xoang kế cận, đặc biệt là xoang dưới mắt, làm đầu của vịt sưng to lên, *Mycoplasma* cũng tấn công vào niêm mạc thanh khí quản, các túi khí gây triệu chứng khó thở.

- Một số trường hợp vịt chết do viêm phổi, phù phổi, trước khi chết có thể thấy co giật. Trên các đàn mắc bệnh nặng và chữa trị không kịp thời hoặc ghép với các bệnh phổ thương hàn, viêm ruột... tử số có thể lên đến 40 – 50 % sau khoảng 10 – 15 ngày mắc bệnh.

### 4.4 Bệnh tích

- Ấn tay vào hốc mũi, dịch mũi chảy ra nhiều.

- Niêm mạc mũi, xoang mũi xung huyết, có phủ fibrin.

- Phổi xung huyết, có thể hóa gan ở vài vùng hoặc bị thủy thủng.

- Túi khí phủ fibrin màu vàng, thành túi khí dày và đục.

- Trên bề mặt gan phủ fibrin màu vàng.

### 4.5 Phòng bệnh

Sử dụng trực tiếp cho vịt con (chương trình kháng sinh cho vịt). Cần chọn các kháng sinh nhạy cảm với *Mycoplasma* mới có thể ngừa được bệnh.

- Tetracycline – Doxycycline.

- Nhóm Quinolones: Norfloxacin, Enrofloxacin, Ciprofloxacin, Ofloxacin.

- Nhóm Macrolides: Erythromycine, Lincomycine, Tylosine, Tiamulin...

#### Lưu ý:

- Nên sử dụng kháng sinh dạng bột trộn thức ăn hoặc dạng hòa nước cho uống để phòng bệnh.

- Do trong giai đoạn 1 – 20 ngày tuổi, vịt con thường mắc các bệnh viêm rốn, viêm ruột do *E.Coli*, phó thương hàn, viêm xoang mũi. Vì vậy kháng sinh lựa chọn phải có kháng phổ rộng để vừa ngăn ngừa được sự phát triển của *Mycoplasma* và cả các loại vi khuẩn *E.Coli*, *Salmonella* (xem bảng hướng dẫn sử dụng thuốc thú y cho vịt). Có thể chọn các sản phẩm sau:

+ NOVA-MYCOPLASMA

+ NOVA-TRIMEDOX

+ NOVA-METOGEN

Vệ sinh chuồng trại, vệ sinh thức ăn, nước uống thật tốt, tránh mưa tạt, gió lùa, giữ ấm cho vịt con.

### 4.6 Điều trị:

Dùng kháng sinh kết hợp với vitamin ngay sau khi có triệu chứng chảy nước mũi, khó thở trên một số con trong đàn.



- + NOVA-LINCODOX
- + NOVA-MYCOPLASMA
- + NOVA-THIASUL
- + NOVA-TRIMEDOX
- + NOVA-DOXINE
- + NOVA-METOGEN
- + NOVA-FLORDOX

Nên phối hợp với kháng sinh dạng chích, nếu thấy cần thiết.

Ví dụ: NOVA-TYLOSPEC, NOVA-D.O.C, NOVA-GENTYLO, NOVASONE, NOVA-MARLOX 25, NOVA-CEFTIO

## 5. BỆNH VIÊM GAN DO VIRUS Ở VỊT

Bệnh viêm gan do virus là một bệnh truyền nhiễm cấp tính, tính lây nhiễm rất cao, chủ yếu xảy ra trên vịt con dưới 3 tuần tuổi với các đặc điểm sau:

- Thời gian nung bệnh rất ngắn.
- Tỷ số cao (80 – 90%).
- Bệnh tích chủ yếu trên gan vịt.

### 5.1 Nguyên nhân gây bệnh

Căn bệnh là một loại ARN virus rất nhỏ với 3 type khác nhau:

- D.V.H type 1: Là loại *Picornavirus*, có đặc điểm truyền sang phôi vịt, gà, không có khả năng ngưng kết hồng cầu. D.V.H. Type 1 là nguyên nhân chủ yếu gây bệnh. Loại virus này không lây truyền qua trứng, chỉ truyền qua vịt con bằng cách chích các bệnh phẩm hoặc cho uống các huyền dịch bệnh phẩm.

- D.V.H. Type 2: Là loại *Astrovirus*.

- D.V.H. Type 3: Là loại *Picornavirus*, loại này có antigen khác với Type 1, không có khả năng truyền qua phôi gà.

Các loại virus trên có sức đề kháng cao đối với nhiệt độ và hóa chất.

Trong rơm độn chuồng, thức ăn, nước uống, virus có thể tồn tại 15 – 40 ngày. Ở 60°C trong 30 phút virus vẫn tồn tại. Muốn diệt được virus phải dùng Formol 1% trong 3 giờ.

### 5.2 Cách sinh bệnh

Virus có trong nguồn nước, đất, ... xâm nhập vào cơ thể vịt qua đường tiêu hóa, hô hấp hoặc các vết trầy ở chân rồi vào máu. Virus theo máu đến các cơ quan, đặc biệt đến gan, tấn công các tế bào gan làm đình trệ các quá trình trao đổi chất ở gan, nhất là quá trình trao đổi chất béo, làm vịt thiếu năng lượng, vịt trở nên rất mệt mỏi.

Sau đó, virus phá hủy nội mô huyết quản gây xuất huyết nặng ở gan, phá hủy tế bào gan làm gan không còn khả năng giải độc, vịt con sẽ chết với triệu chứng ngộ độc.

### 5.3 Triệu chứng lâm sàng

Cả 3 type virus đều gây bệnh với các triệu chứng bệnh giống nhau:

Thời gian nung bệnh 18 – 48 giờ, ở những nơi đã mắc bệnh nhiều lần, thời gian nung bệnh có thể biến động từ 1 – 5 ngày.

Bệnh diễn biến rất nhanh với các biểu hiện:

- Vịt con mệt mỏi, lười vận động, buồn bã, bỏ ăn, cánh xệ.
- Những con mắc bệnh trước thường ở phía sau của đàn.
- Bệnh lan dần ra cho các vịt khác, tỷ số có thể lên đến 80 – 90% ở vịt nhỏ hơn 2 tuần tuổi. Sau một thời gian ngắn (vài giờ) vịt nằm một chỗ, niêm mạc tím xanh, đầu ngoẹo ra sau hay qua một bên, co giật toàn thân, chân duỗi ra rồi chết.

Vịt lớn hơn 2 tuần tuổi có thể mắc bệnh, nhưng biểu hiện chậm và tỷ số thấp không quá 30%.

Ở vịt lớn hơn 7 tuần tuổi, không thấy xuất hiện triệu chứng bệnh.

Do các type có kháng nguyên khác nhau, nếu chỉ chủng ngừa D.V.H. Type 1 bệnh vẫn có thể xảy ra trên đàn vịt. Đặc biệt D.V.H. type 3 thường xảy ra ở vịt con nhỏ hơn 2 tuần nhưng triệu chứng ít trầm trọng hơn, biểu hiện và tỷ số thường không quá 30%.

### 5.4 Bệnh tích

Cả 3 loại virus này có cùng đặc điểm là bệnh tích tập trung ở gan:

- Gan sưng to, với nhiều nốt xuất huyết từ nhỏ đến to, có điểm lên đến 1cm đường kính.
- Gan trở nên mềm và dễ nhũn nát.
- Lách có thể sưng to và có các vằn trên bề mặt.
- Thận viêm, sưng to và bị cương mạch ở thận.
- Trường hợp bệnh kết hợp với phó thương hàn, vịt con bị tiêu chảy, phân loãng, có bọt khí, có triệu chứng co giật trước khi chết, thì trên gan có thêm những nốt hoại tử tròn, nhỏ màu vàng trắng.





## 5.5 Chẩn đoán

Cần phân biệt với bệnh phó thương hàn, bệnh dịch tả vịt, bệnh ngộ độc Aflatoxin.

### - Bệnh dịch tả vịt:

+ Tiêu chảy phân lỏng, màu trắng xanh, phù đầu, khó thở, nhiều nước mũi. Nhiều nơi xuất huyết: hầu, họng, dạ dày tuyến, dạ dày cơ, ruột.

### - Bệnh phó thương hàn:

- + Tiêu chảy phân loãng, có bọt khí.
- + Viêm kết mạc mắt, có mủ, làm vịt hay nhắm mắt.
- + Một số con có triệu chứng khớp (què).

Triệu chứng thần kinh dạng lên cơn: run rẩy 2 chân, đầu ngoẹo, trước khi chết nằm ngửa, chân co giật trên không.

Bệnh tích: gan sưng, rìa dày lên, bề mặt gan có phủ fibrin, có những nốt hoại tử màu vàng trắng trên bề mặt của gan. Ruột non phù thũng ở niêm mạc, một vài nơi xuất huyết.

### - Bệnh ngộ độc do Aflatoxin.

- + Tiêu chảy phân loãng, xanh, sống.
- + Có triệu chứng co giật trước khi chết, phân có máu (nếu nhiễm nặng).
- Bệnh tích: gan sưng to, xuất huyết lấm tấm, tế bào gan bị phá hủy nghiêm trọng. Thận sưng to. Ruột đôi khi xuất huyết lấm tấm.

## TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM

- Có thể phân lập virus bằng cách chế huyền dịch 10 – 20% bệnh phẩm gan, lách, óc vịt rồi tiêm vào phôi vịt 13 – 14 ngày tuổi hoặc gây bệnh cho vịt con (tiêm dưới da hoặc nhỏ mũi).

- Dùng phản ứng trung hòa: huyền dịch bệnh phẩm trộn với Antiserum type 1,2,3 rồi tiêm truyền qua phôi vịt hoặc gây bệnh cho vịt con.

## 5.6 Phòng ngừa và điều trị

- Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi trước khi thả vịt: **NOVADINE 10%: 1/150; NOVASEPT: 1/150; NOVACIDE: 1/150.**

- Không nên cho vịt xuống nước sớm (< 4 ngày), nhất là xuống các ao mà vịt giống sinh sống.
- Thức ăn tốt (nấu chín), uống nguồn nước sạch, thay nước uống thường xuyên.
- Diệt chuột: Chuột cũng là vật mang trùng, chuột vào ăn thức ăn, tiêu tiểu trong chuồng vịt sẽ bài thải virus D.V.H.
- Tiêm phòng cho vịt giống: với vaccin sống D.V.H gồm các type 1,2,3 miễn dịch sẽ truyền qua trứng. Tiêm phòng lần 1 vào lúc 7 tuần tuổi và tiêm lặp lại 2 tuần trước mỗi mùa đẻ.
- Tiêm phòng cho vịt con: Lúc 1 ngày tuổi (vaccin type 1 qua phôi gà) trên đàn vịt mà vịt giống không được tiêm phòng. Chích dưới da cổ hoặc màng chân vịt, sau 4 – 5 ngày sẽ tạo miễn dịch cho vịt con (vaccin HEPATOVAX).
- Tăng sức đề kháng cho vịt con với các chế phẩm chứa vitamin và kháng sinh bằng cách trộn vào thức ăn hoặc hòa tan vào nước, cho vịt 1 ngày tuổi đến 7 ngày tuổi uống.

**Điều trị:** Dùng kháng huyết thanh chích dưới da cổ, khi thấy đàn vịt có triệu chứng bệnh. Hiện nay, nước ta chưa sản xuất huyết thanh chống viêm gan do virus ở vịt. Do đó, trong trường hợp bệnh xảy ra, nên sử dụng các loại thuốc làm tăng sức đề kháng cho đàn vịt và kháng sinh chống phụ nhiễm các vi khuẩn đường tiêu hóa.

Thuốc tăng sức đề kháng:

- **ELEC-C**
- **NOVA C-PLUS**
- **NOVA-DEXTROLITES**
- **NOVA-VITA PLUS**

Kháng sinh chống phụ nhiễm:

- **NOVA-AMPICOL**
- **NOVA-GENTASUL**
- **NOVA-DOXINE**
- **NOVA-TRIMOXIN**
- **NOVA-BACTRIM 48%**
- **NOVA-ENRO 10%**
- **NOVA-LINCODOX**



## 6. BỆNH NẤM TRÊN PHỔI Ở VỊT

### 6.1 Nguyên Nhân

- Thuộc nấm mốc
- + *Aspergillus fumigatus*.
- + *A. flavus*.

Gây nấm phổi và nội tạng.

- + Nhiệt độ thích hợp cho nấm phát triển từ 25°C đến 37°C hay cao hơn (45°C), thường ở những nơi có ẩm độ cao.
- + Bào tử của *A. fumigatus* vừa gây chết khoảng 50% gia cầm, do sản xuất độc tố gây suy giảm miễn dịch, gây độc tế bào, ức chế lympho mạch máu ngoại vi tăng sinh và sản xuất các enzyme làm hư hại (phân rã) mô của vật chủ. Đặc biệt là các enzyme phân hủy collagen và sợi đàn hồi của mô bào vật chủ.





## 6.2 Triệu Chứng

- Ủ rũ, co giật đầu, vẹo cổ.
- Chảy nước mắt.
- Yếu chân, liệt.
- Thở khó.
- Tiêu chảy phân xanh, xám, nhiều nước.
- Vịt đẻ: giảm sản lượng trứng, vỏ trứng mỏng, không vỏ.

## 6.3 Bệnh Tích

- Có u nấm, có kích cỡ bằng hạt tằm hoặc lớn hơn, màu trắng đục xuất hiện ở nhiều nơi: thực quản, túi khí, khí quản, phổi, màng treo ruột...
- Khí quản có màng giả.
- Viêm túi khí, phổi, màng bao gan, màng bao tim tích nước, casein.
- Gan hoại tử hay nhạt màu.
- Thận sưng.

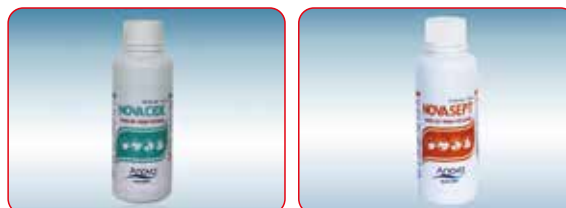


## 6.4 Phòng Bệnh

- Thức ăn phải đầy đủ dưỡng chất.
- Làm giảm sự ô nhiễm của chất độn chuồng bằng phun dung dịch  $\text{CuSO}_4$ , thiabendazole, enilconazole.
- + Chuồng phải thoáng và khô ráo, không ẩm ướt. Giảm bụi chuồng nuôi, cải thiện thông khí làm giảm tỷ lệ bệnh nấm đến 75% (Reece và ctv, 1986).
- + Vệ sinh chuồng trại và ao tắm bằng các thuốc sát trùng có tác dụng diệt nấm của ANOVA như: **NOVASEPT** hoặc **NOVACIDE**.
- + Dọn rửa và sát trùng dụng cụ chăn nuôi.
- Không dùng thức ăn cũ, lâu ngày, bị mốc.
- Vệ sinh máy ấp và máy nở: xông máy ấp bằng formol 40ml/ $\text{m}^3$ / 24 giờ.

## 6.5 Phòng trị

- Dùng **NOVA-FLUSOL**
- + Tiêm bắp: 1ml/ 2 - 3kg thể trọng/ ngày 1 lần. Tiêm bắp cơ liên tục 4 - 5 ngày
- + Cho uống: 1ml/ 2kg thể trọng/ ngày hoặc 5ml/ lít nước. Hòa nước cho uống liên tục trong 5 ngày.
- Hoặc dùng sản phẩm **NOVA-FLUSOL ORAL**.
- Trợ lực bằng các sản phẩm như: **NOVASAL** hoặc **ADE-B.COM-PLEX INJ**.
- Giải độc gan: **NOVA-HEPAVIT**.
- Không sử dụng kháng sinh.



## 7. BỆNH BẠI HUYẾT TRÊN VỊT

### 7.1 Đặc điểm

- Bệnh phát ra trên vịt từ 1 – 8 tuần tuổi với tỉ lệ cao.
- Triệu chứng phổ biến:
  - + Khó thở, khẹt.
  - + Bại liệt, ngoẹo đầu, chân bơi liên tục.
  - + Mất đực chảy nhiều dịch viêm, kéo mây đục.
  - + Tiêu chảy phân xanh.

### 7.2 Nguyên nhân

- Do vi khuẩn *Riemerella anatipestifer* gram âm, phát triển mạnh trong chuồng trại dơ bẩn.
- Xâm nhập qua vết thương ở chân, hoặc qua đường tiêu hóa, vào máu gây nhiễm trùng máu.

### 7.3 Triệu chứng

- Vịt sốt cao.
- Viêm phổi gây khó thở, khẹt.
- Viêm kết mạc mắt làm chảy nhiều dịch, sau vài ngày mắt đục.
- Tiêu phân xanh hoặc phân trắng.
- Khớp chân bị viêm: vịt khớp khiến hoặc liệt phải kéo lê thân khi muốn di chuyển.
- Triệu chứng thần kinh: nằm ngửa, ngoẹo đầu, chân đạp liên tục.
- Chết sau vài ngày phát bệnh.

### 7.4 Mô khám

- Khớp viêm, có nhiều dịch hoặc mủ.
- Lách hơi to, bề mặt có màu đá hoa vân.
- Màng bao quanh gan, bao tim có phủ sợi huyết.
- Túi khí đục.

### 7.5 Phòng bệnh

- Vệ sinh, tiêu độc chuồng trại và dụng cụ nuôi vịt trước khi thả giống.
- Sau khi thả nuôi:
  - + Định kỳ sát trùng chuồng trại bằng **NOVACIDE** mỗi tuần/ lần.
  - + Thay chất độn chuồng khi quá ẩm ướt.
  - + Cho ăn đầy đủ dinh dưỡng.
  - + Cung cấp thêm vitamin vào nước uống cho vịt bằng sản phẩm **NOVA-MULTIVIT**.
  - + Định kỳ dùng 2 ngày kháng sinh **NOVA-AMOXICOL**/ tuần trong nước uống.

### 7.6 Điều trị

Kháng sinh nhạy cảm nhất hiện nay:

- **NOVA-CEFUR**: tiêm 1ml/ 5kg thể trọng mỗi ngày 1 lần trong 3 – 5 ngày.
- Hoặc **NOVA-BACTAL**: tiêm 1ml/ 5kg thể trọng, ngày 1 lần trong 3 – 5 ngày.
- Hoặc dùng **NOVA-DOXAL** 1ml/ 7kg thể trọng, ngày 1 lần trong 3 – 5 ngày.
- Kết hợp cho uống **NOVA-DEXTROLYTES** hoặc **NOVA-AMIVIT** cho đến khi hết bệnh.
- Hạ sốt dùng **NOVA-PARA C**: 1g/ lít nước hoặc 2g/ kg thức ăn.





## BẢNG: CHẨN ĐOÁN PHÂN BIỆT MỘT SỐ BỆNH THÔNG THƯỜNG TRÊN VỊT

| Tên bệnh<br>Đặc điểm             | Dịch tả                          | Phó thương hàn            | Tụ huyết trùng                       | <i>E.Coli</i>                               | Viêm xoang mũi                   | Viêm Gan do Virus                              |
|----------------------------------|----------------------------------|---------------------------|--------------------------------------|---|----------------------------------|--|
| Mầm bệnh                         | Virus                            | <i>Salmonella</i>         | <i>Paratyphoid</i>                   | <i>E.Coli</i>                               | <i>Mycoplasma, Staphylococci</i> | Virus  |
| Tuổi dễ mắc bệnh                 | > 15 ngày                        | 1-15 ngày hoặc lớn hơn    | > 15 ngày                            | 3 – 15 ngày                                 | 10 – 15 ngày                     | < 3 tuần                                       |
| Tốc độ lây lan                   | Nhanh                            | Ít lây                    | Nhanh                                | Ít lây                                      | Nhanh                            | Nhanh  |
| Tử số                            | 60 – 80%                         | 70 – 80%                  | 50 – 60%                             | 20 – 60%                                    | 50%                              | 80-90% (vịt con)                               |
| Triệu chứng<br>- Chết đột ngột   | Vịt lớn                          |                           | +                                    |   |                                  | +  |
| - Tiêu chảy                      | Sau 3 ngày                       | +                         | -                                    | +   | -                                | Không phổ biến                                 |
| - Màu phân                       | Trắng xanh                       | Trắng, loãng, có bọt      | -                                    | Trắng                                       | -                                |  |
| - Nước mũi                       | +                                | -                         | +                                    | -   | +                                | -  |
| - Khó thở                        | Khò khè                          | -                         | Khó thở                              | -   | Khò khè                          | -  |
| - Nước dịch ở miệng              | Chảy ít                          | -                         | Chảy nhiều                           | -   | -                                | -  |
| - Viêm kết mạc mắt               | +                                | +                         | -                                    | Viêm có mủ                                  | +                                | -  |
| - Bại liệt                       | +                                | +                         | +                                    | -   | -                                |  |
| - Viêm khớp                      | -                                | +                         | +                                    | -   | -                                |  |
| - Sung phù đầu                   | +                                | -                         | -                                    | +   | +                                |  |
| - Ngheo đầu                      | -                                | +                         | -                                    | +   | -                                | +  |
| - Co giật                        |                                  | +                         | -                                    | +   | -                                | +  |
| - Bệnh tích<br>- Tụ máu ngoài da | + (Đầu, cổ)                      | -                         | + (Toàn thân)                        | -   | -                                | -  |
| - Ruột non                       | Xuất huyết, loét                 | Xuất huyết                | -                                    | Xuất huyết                                  | -                                | -  |
| - Ruột già                       | Xuất huyết                       | Xuất huyết                | Xuất huyết, tụ máu                   |   | -                                | -  |
| - Tiền mề                        | Nhiều chất nhầy, xuất huyết      | Sung, có nhiều chất nhầy  | -                                    | -   | -                                | -  |
| - Mề                             | Xuất huyết                       | Xuất huyết                | -                                    | -   | -                                | -  |
| - Xoang mũi                      | -                                | -                         | Chứa chất nhầy                       | -   | Viêm, chứa mủ đặc                | -  |
| - Phổi                           | Viêm, xuất huyết                 | -                         | Tụ huyết, xuất huyết, viêm màng phổi | -   | Tụ huyết, thủy thủng             | -  |
| - Màng túi khí                   | -                                | -                         | -                                    | Đục hoặc có những nốt nhỏ như đầu tăm       | Phủ Fibrin màu vàng đục, dày lên | -  |
| - Gan                            | Sung tụ máu, một số vùng hoại tử | Sung, có Fibrin, hoại tử  | Sung to, xuất huyết thành đám lớn    | Sung, xuất huyết lấm tấm, bề mặt phủ Fibrin | -                                | Sung to, xuất huyết lan rộng, mềm, dễ nhũn nát |
| - Lách                           | Xuất huyết                       | Sung to, viêm, xuất huyết | Xung huyết                           | Sung to                                     | -                                | -  |
| - Bụng trứng                     | Xuất huyết                       | Sung to, viêm, xuất huyết | Xung huyết, trứng méo mó             | -   | -                                | -  |
| - Màng bao quanh                 | -                                | -                         | Tích dịch                            | Phủ Fibrin                                  | Phủ Fibrin                       | -  |
| - Cơ tim                         | Xuất huyết                       | -                         | Xuất huyết                           | Xuất huyết                                  | -                                | -  |



BSTY. Trần Phước Kim Hùng    TS. Nguyễn Như Phô    BSTY. Trương Nguyễn Huy Cường  
 Mobile: 0919906246    Mobile: 0908032133    Mobile: 0908314188



**Chứng Chỉ WHO - GMP**  
 của cục thú y



**Chứng Chỉ**  
**ISO - IEC 17025**



**Chứng Chỉ Hàng Việt Nam**  
**Chất Lượng Cao**



**CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH ANOVA**

Số 36 Đại Lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore,  
 Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
 Điện thoại: (0274) 3.782.770 - Fax: (0274) 3.782.700  
 E.mail: info@anova.com.vn - Website : http://www.anova.com.vn

